

Cao Xuân Hạo

Về bài “Vấn đề đánh dấu thanh tiếng Việt” của Dũng Vũ

Tôi đã đọc và đã chép hết bài báo nói trên¹ để làm tư liệu dùng cho sinh viên vì đó là một trong những bài báo có ích nhất mà tôi từng được đọc.

Trước khi bắt tay vào bình luận về bài báo, tôi thấy cần trả lời câu hỏi tất nhiên phải đặt ra: *thanh* là gì?

Trong các sách dạy ngôn ngữ học, *thanh* hay *thanh điệu* (tone), thường được định nghĩa là *đơn vị siêu đoạn đặt trên mỗi từ trong những ngôn ngữ có thanh, trong đó thanh này khu biệt với thanh kia do độ cao và đường nét lên xuống, hoặc do một trong hai thông số đó*.

Cách định nghĩa này đủ rõ để phân biệt ngôn ngữ nào có thanh điệu, ngôn ngữ nào không, và cũng đủ chính xác để phân biệt thanh điệu với với những sự kiện có phần tương tự như ngữ điệu (intonation), vốn đặt trên câu, hay trọng âm (stress), vốn có thể đặt trên từ hay trên ngữ đoạn (phrase) tùy từng ngôn ngữ. Nhưng khi tiếp xúc với nhiều ngôn ngữ ít quen thuộc hơn những thứ tiếng mình đã học ở nhà trường, người muốn biết thêm về ngôn ngữ học thấy hình như vấn đề có phần phức tạp hơn thế.

Không những có những “thanh điệu” có tính siêu đoạn (suprasegmental), mà còn có những thứ âm thanh làm thành một chiết đoạn (segment) rõ ràng có thể phiên âm như một âm tố phụ âm, mà vẫn được người bản ngữ tri giác (perceive) và gọi tên như một thanh điệu. Đó là trường hợp của thanh *Stosstone* trong tiếng Đan Mạch, mà sự thể hiện vật chất (phonetic implementation) là một phụ âm tắc thanh hầu [ɰ]. Sở dĩ người Đan Mạch tri giác nó như một thanh điệu là vì nó bao giờ cũng xuất hiện ở một vị trí cố định – sau một từ hay một hình vị. Trong tiếng Hy Lạp Cổ điển (Classical Greek) của thời Aristoteles, có một phụ âm sát thanh hầu mà người Hy Lạp gọi là “khí cứng” (esprit rude) đối lập với “khí dịu” (esprit doux). “Khí cứng” chẳng qua là sự có mặt của một âm [h] (mà chữ Hy Lạp ghi bằng một “dấu giọng” [◻] như trong *ἵππος* (đọc là hippos), còn “khí dịu” chẳng qua là sự vắng mặt của âm [h] ấy (ghi bằng dấu giọng [◻] như trong *Ἰλλιον* (đọc là Illion) ‘thành Troa’. Sở dĩ người Hy Lạp tri giác âm tố [h] như một “giọng” là vì nó có vị trí cố định: nó chỉ xuất hiện ở đầu từ hay sau một tiền tố (prefix) như *ἐπι* ‘thượng’ (> *επ*).

Cũng như trong mọi lĩnh vực thuộc khoa học nhân văn, trong ngôn ngữ quan điểm chủ quan của người bản ngữ chính là sự thật khách quan, là chân lý. Vậy người làm ngôn ngữ học không thể không đứng trên quan điểm của người bản ngữ mà thừa nhận tính chân xác của cách tri giác chủ quan của họ.

Sau khi nói những điều cơ bản về khái niệm *thanh*, ta hãy bàn thẳng vào vấn đề mà Dũng Vũ đã đặt ra: nên đặt dấu thanh ở chỗ nào.

Tác giả bài báo, cũng như các tác giả được dẫn trong bài báo, đã bỏ ra khá nhiều công sức để nghiên cứu mặt ngữ âm học (mặt vật chất) của vấn đề, và cũng đã cho thấy họ rất tinh tế trong khi làm việc này. Nhưng ở đây có một điều đập ngay vào ý thức người đọc là sự vắng mặt của quan điểm chức năng - cấu trúc luận trong cách làm việc của các tác giả, mà chúng tôi coi là cơ sở quan trọng nhất, nếu không phải là duy nhất, cho một câu trả lời khả dĩ mở lối cho một quyết định được mọi người thừa nhận, từ người cầm bút viết văn cho đến người làm kỹ thuật tin học nhất trí tán thành.

¹ talawas 345, 20.7.2006

Tôi không chủ trương rằng quan điểm này là một liều thuốc vạn năng hay một phương pháp lý tưởng. Kể ra có thể nói rằng nó chẳng có gì mới mẻ: đó là quan điểm của trường Prague vào những năm 30. Nhưng đó là một trong những thành tựu mà từ khi ra đời trở đi đã trở thành một tài sản vĩnh cửu của khoa học. Nếu thiếu nó, người nghiên cứu sẽ tự tước bỏ mất cái bình diện quan trọng nhất của ngôn ngữ với tính cách là một công cụ giao tiếp, mà đối với một công cụ thì *chức năng* (*function*) bao giờ cũng là cái chính, và thứ đến là *cấu trúc* (*structure*) của nó, tức cách tổ chức những thành tố của nó thành một hệ thống *có tôn ti* (*hierarchized*).

Tác giả nhận thức hoàn toàn đúng về tính chất *đơn lập* (*isolating*) của tiếng Việt mà biểu hiện rõ nhất là tính đơn âm (*monosyllabic*) của cái đơn vị mà Nguyễn Tài Cẩn gọi là *tiếng* (*morphosyllabeme*)², nhưng ông phân tích cấu trúc của đơn vị này chưa được hoàn toàn chính xác, vì còn chịu ảnh hưởng quá nhiều của cách phân chia *nguyên âm* với *phụ âm* mà ngữ âm học cổ điển phương Tây trong một thời gian dài, khi ngành *âm vị học* (*phonologie*) chưa ra đời, đã tưởng lầm là một sự phân chia tất yếu và phổ quát cho mọi ngôn ngữ.

Khi một ngôn ngữ lấy *tiếng* (âm tiết) chứ không phải *từ*, làm đơn vị cơ bản, sự lựa chọn này có những hậu quả khiến cho những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học phương Tây như *âm tố* (*speech sound*), *chiết đoạn* (*segment*), *nguyên âm* (*vowel*), *phụ âm* (*consonant*) không thể giữ nguyên giá trị cũ của nó nữa.

Thanh (tone) là một thành tố của *tiếng*. Đúng trên quan điểm ngữ âm học thuần túy, nó được thể hiện đồng thời với *tiếng*, nghĩa là đồng thời với tất cả các thành tố khác của *tiếng*, hoặc ít nhất là với những âm đoạn nào đủ hữu thanh (voiced) để mang *thanh* (*voice*) và nhờ đó mà mang luôn cả F⁰ (formant của thanh cơ bản), tức phần tuyến điệu (melodic / contour) của *thanh điệu* (*tone*). Trong tiếng Việt mà gọi nó là *siêu đoạn* (*suprasegmental*) cũng là thừa, vì bên trong một *tiếng*, tất cả các thành tố đều là phi đoạn (*phonemically non-segmental*) tuy xét về mặt vật chất – tức ngữ âm học thuần túy – đó có thể chỉ là một *âm đoạn* (*segment*) hay làm thành nhiều âm đoạn (viết thành nhiều chữ cái) – tối đa là 4 (xem Bảng trong phần Phụ lục ở cuối bài) nhưng vị trí và chức năng cấu tạo từ / tiếng của mỗi âm đoạn ấy đều được ấn định hoàn toàn chính xác, cho nên trật tự trước sau của các âm đoạn trong một *tiếng* là hoàn toàn không quan yếu (irrelevant)³. Nói một cách khác, không những *thanh điệu*, mà các âm đoạn “nguyên âm” và “phụ âm” của thứ tiếng Việt méo mó được viết bằng chữ Latin đều là *siêu đoạn tính* (*suprasegmental*) như nhau.

² Khái niệm *morpho-syllabeme* được Nguyễn Tài Cẩn thừa hưởng từ các nhà Đông phương học Nga dưới tên gọi “tiếng”, tức là *từ đơn âm tiết*. Các tác giả Mỹ, cũng như hầu hết các tác giả khác trên thế giới, đều gọi đơn vị này là *từ* (*word, mot, slovo*). Chỉ có một số ít tác giả Việt Nam, nhất là những người cho rằng tiếng Việt chính là tiếng Pháp, mới chủ trương rằng tiếng Việt là thứ tiếng đa âm tiết và những *từ* như *nhà nước, quốc tế* cần phải viết liền mới đúng. May thay, cho đến nay tiếng Việt vẫn được viết rời từng âm tiết, và các dấu ngang nối (rất ba vạ) rốt cuộc đều bị bỏ. Hậu thuẫn lý thuyết bất tự giác của cách xử lý này chính là cảm thức đúng đắn của người bản ngữ.

³ Trong chữ Quốc ngữ, vốn vay mượn của tiếng Latin, có một quy tắc rất bất tiện, đã làm cho chính F. de Saussure rất băn khoăn, là không phân biệt các âm *bật ra* (*explosive*) với các âm *bập vào* (*implosive*) – theo ông, chỉ đối với nguyên âm A mới có thể làm như vậy, Vì hai thứ âm này đối lập với nhau một cách quan yếu trong hàng trăm thứ tiếng khác nhau, chẳng qua vì trong các ngôn ngữ ở châu Âu hai thứ âm này bao giờ cũng chỉ là hai biến thể của cùng một âm vị. Tình hình đó tuyệt nhiên không có trong rất nhiều ngôn ngữ khác. Trong tiếng Việt chẳng hạn, hai chữ *t* mở đầu và kết thúc từ *tất* chẳng hạn là hai âm vị hoàn toàn khu biệt với nhau, vì có chức năng và cương vị cấu trúc hoàn toàn khác nhau. Và lại không bao giờ âm này có thể chuyển thành âm kia như trong các thứ tiếng châu Âu với tập quán *đọc nối* (*liaison*), trong đó âm bập vào khi đứng trước một nguyên âm lập tức chuyển thành một âm bật ra mà người bản ngữ không thấy có gì thay đổi cả. Trong cách kết hợp các hình vị khi cấu tạo từ cũng vậy (chẳng hạn *in+humain > inumain*)

Đây là cái kết luận mà bất kỳ ai có biết những nguyên lý cơ bản của âm vị học đều phải rút ra. Vậy thì, để trở lại vấn đề đang bàn, ta nên xử lý việc đặt dấu thanh ra sao đây, một khi đã trót viết tiếng Việt bằng chữ cái tuyến tính Latin và đã quen với nó rồi?

Xét về lý thuyết, có thể nói ngay rằng đặt ở chỗ nào cũng được, vì đặt ở chỗ nào cũng sai hết – vì đã dùng một thứ chữ viết hoàn toàn khác với cấu trúc của tiếng Việt. Đánh dấu thanh ở đầu, ở cuối (như cách viết điện báo), ở trên (như cách viết dấu *sắc*, dấu *huyền*, dấu *hỏi*, dấu *ngã*) hay ở dưới (như dấu *nặng*), đều là vô căn cứ và do đó mà khó có thể chấp nhận được.

Vậy thì đành phải chọn *một nguyên lý* nào gần nhất với cách đã quen dùng, nhưng khi đã chọn rồi, thì *nhất thiết phải tuyệt đối nhất quán với nguyên lý ấy*.

Theo cách đánh dấu thanh quen dùng, người ta đặt nó ở trên (hay ở dưới, nếu là dấu *nặng*) nguyên âm được coi là quan trọng nhất trong âm tiết.

Nhưng đó là nguyên âm nào, một khi khái niệm “nguyên âm” có thể bao gồm gần hết số nguyên âm có mặt trong vần Quốc ngữ?

Kể từ năm 1962, các lớp tiểu học ở miền Bắc nước ta đều đã học cách phân chia âm tiết ra thành 4 thành tố như sau⁴:

1. Thủy âm (hay Âm đầu)
2. Âm đệm (hay Tiền chính âm).
3. Chính âm (hay Âm chính)
4. Chung âm (hay Âm cuối)⁵

trong đó mỗi thành tố là một tập hợp những nét khu biệt tuy không hoàn toàn đồng thời (như cách định nghĩa *âm vị* trong nhiều sách giáo khoa), nhưng cùng có mặt khá thường xuyên, cho nên có thể được những người vốn nói một ngôn ngữ phi âm tiết tính (như tiếng Âu châu) cắt thành từng âm đoạn một cách khá dễ dàng.

Trong số các công trình mà Dũng Vũ đã dẫn trong bài báo nói trên, ý kiến các tác giả tuy có khác nhau nhưng những điểm họ gặp nhau chiếm một đa số rất đáng kể. Những điểm ấy chính là những chỗ mà quan niệm của họ nhất trí với cách chọn có tính cảm thức của những người đã xây dựng nên hệ chữ cái được gọi là chữ Quốc ngữ, trong đó chắc chắn là có sự tham gia của người bản ngữ.

Chẳng qua vì các tác giả ấy không xác định được (một cách hiển ngôn và dựa trên những *tiêu chuẩn quan yếu (relevant criteria)* nguyên âm nào là đáng chọn nhất trong khi đặt dấu thanh, và sở dĩ như vậy là do họ không phân chia được âm tiết thành bốn âm đoạn theo chức năng cấu tạo của từng âm trong đơn vị *tiếng*, nhất là khi phải xử lý những vấn đề cần đến những tri thức âm vị học như vấn đề *nguyên âm đôi (diphthongs)*, *nguyên âm ba (triphthongs)* chẳng hạn.

Trong khi giảng môn âm vị học cho sinh viên năm thứ tư, nhân nói về những khái niệm như *nguyên âm đôi (diphthongs)*, *nguyên âm ba (triphthongs)* nhiều giảng viên thường so sánh tiếng Nhật, tiếng Anh và tiếng Việt để nêu rõ tính chất âm vị học không đồng

⁴ Hai người chịu trách nhiệm về cách phân đoạn này là Hoàng Tuệ và Nguyễn Tài Căn, với cơ sở lý thuyết là giải pháp phân tích âm vị học của Cao Xuân Hạo (x. “Về cách phân tích âm vị học một số vận mẫu có nguyên âm ngắn trong tiếng Việt”, *Thông báo Khoa học* số 2, Đại học Tổng hợp Hà Nội 1962. tr. 146-154.

⁵ Xem chi tiết trong phần Phụ lục ở cuối bài.

nhất của một tổ hợp được ghi lại theo cách *phiên âm ngữ âm học* (*phonetic transcription*) là [a:i]⁶ chẳng hạn:

1. Trong tiếng Nhật, [a:i] (trong *takai, samurai, kudasai*) không thể là “nguyên âm đôi” được, vì lẽ giản đơn là trong tiếng Nhật mỗi nguyên âm đơn đều làm thành một âm tiết (và được viết bằng một chữ *kana*), còn như cái bán nguyên âm mà người học có thể tưởng như là nguyên âm trong những từ như *Kyoto* hay *Tokyo* thì lại là những thành tố của phụ âm đầu [k’].

2. Trong tiếng Anh, [a:i], [a:u], [o:u] là những nguyên âm đôi chân chính, vì nó được phân bố như bất cứ một nguyên âm dài nào, chẳng hạn so sánh [sa:in] (*sign*) và [si:n] (*seen*), [foul] (*foul*) và [fu:l] (*fool*) – chẳng hạn cả hai đều có thể được phân bố trước phụ âm cuối và sau phụ âm đầu.

3. Trong tiếng Việt, [a:i] không phải là một nguyên âm đôi, vì đó là một tổ hợp gồm hai yếu tố khác hẳn nhau về chức năng và cương vị cấu trúc:

a. [a:] trong [a:i] (trong những *tiếng* (từ) có thể phiên âm thành [ta:i, t^ha:i, ma:i, ba:i, da:i, sa:i, fa:i, ca:i, a:i, ka:i, a:i, ha:i, ɿa:i]) là một âm đoạn mà nếu bỏ đi thì những từ này không thể thành *tiếng* được. Đó là một *chính âm*, là thành tố duy nhất có thể tự nó làm thành một *tiếng*.

b. [i] trong [a:i] là một thành tố kết thúc âm tiết: sau nó không còn có thể ghi thêm một chữ cái nào nữa. Đó là một *chung âm*.

Những thí dụ trên đây, qua hàng trăm buổi giảng, đã tỏ ra đủ công hiệu để cho một sinh viên trung bình nắm được cách làm việc khi xử lý một âm đoạn hay một tổ hợp *khả nghi* (*suspicious*), nghĩa là có thể có những cách xử lý (treatments) khác nhau về giải pháp âm vị học.

Trong số các tác giả được Dũng Vũ dẫn ra để chọn giải pháp tốt nhất, theo ý chúng tôi Hoàng Phê là người nhất quán hơn cả trong cách chọn chỗ đặt dấu thanh. Điểm duy nhất thiếu nhất quán của ông là cách xử lý các nguyên âm đôi [] ‘ê’ hay ‘ia’ trong chính tả; [u] ‘uở hay ‘ua’; [] ‘uở hay ‘uở’⁷: trong *Từ điển tiếng Việt* (Hà Nội. 1992) ông đánh dấu thanh vào yếu tố đầu của nguyên âm đôi khi nào từ (*tiếng*) kết thúc bằng -a (*của, cửa, kia*) nhưng lại đánh vào yếu tố thứ hai của nguyên âm đôi khi nào từ (*tiếng*) kết thúc bằng một chung âm bất kỳ, dù đó phụ âm (-p, -t, -c, -m, -n, -ng) hay là nguyên âm (-i, -y, -u, -o).

Chúng tôi không có tài liệu để biết rõ lý do của những điểm thiếu nhất quán nói trên, nhưng cũng có thể hiểu (và thông cảm) với ông, vì ít nhất ông vẫn là người làm việc căn cứ vào những nguyên tắc ngôn ngữ học xác định.

⁶ [a:t] là cách phiên âm chính xác vần “-ai” của tiếng Việt (đổi lập với vần “-ay” [ai], cũng như vần “ơ” [] và đổi lập với vần “-ây” [])

⁷ Hai cách viết này của chính tả “chuẩn” của tiếng Việt hiển nhiên là ở vào thể *phân bố bổ sung* (*complementary distribution*); chữ Quốc ngữ viết -a khi nào ở *chung âm* bỏ trống; viết -ê, -â, -ô, -ơ khi nào ở này có chung âm -p, -t, -c hay -l, -y, -u, -o, trong khi cách phát âm, theo các thanh phổ đồ của chúng tôi, không có gì khác nhau một cách đáng kể. Nhân tiện cũng xin lưu ý là cách viết -iê, -uô, -uở là những lỗi chính tả không thể nào dung thứ được, vì nó mâu thuẫn gay gắt với những quy tắc kết hợp của nguyên âm trong tiếng Việt. Những quy tắc này cấm các nguyên âm cùng hàng hay cùng tính môi hoá kế tiếp nhau – như ta có thể thấy rõ trong cách kết hợp chính âm với chung âm: không thể có -ae, -ei, -êi, -êe, -ou, -ôu được.

Còn các tác giả khác, trong đó có cả Dũng Vũ, đã làm việc một cách rất công phu và tỏ ra hết sức tinh tế trong những nhận xét về các dữ liệu ngữ âm học (cả ngữ âm học cấu âm (articulatory phonetics) lẫn ngữ âm học thanh học và thính giác (acoustic and auditory phonetics) mà họ sử dụng một cách có tay nghề bậc thầy và có chọn lọc kỹ lưỡng. Người đọc ít khi có thể tìm đọc được một bài báo chứa đựng nhiều tri thức bổ ích về ngôn ngữ học đến như vậy.

Và đó chính là những điều khiến cho chúng tôi mừng rỡ thực sự khi được đọc bài của Dũng Vũ trên talawas. Những ý kiến mà chúng tôi đã góp trong bài này tuyệt nhiên không làm mất giá trị của những ưu điểm vừa nêu.

Phụ lục: Bảng minh họa về Cách phân đoạn các thành tố của Tiếng (theo chức năng và cương vị cấu trúc)

Tiếng (từ)	Thủy âm	Âm đệm	Chính âm	Chung âm
ư	– (ĩ)	– –	ư ^a ₁	– –
ươn	– (ĩ)	– –	ư ^ơ ₁	n n
cười	c k	– –	ư ^ờ ₂	i
oai	– (ĩ)	o w	a [:] ₁	i I
thoảng	th t	o w	á a [:] ₄	ng
quây	q k	u w	â [:] ₆	γ :
khoèo	kh ơơ	o	ê [:] ₂	o w
úi	– (ĩ ơ)	– –	ủ u [:] ₄	i
ủy	– (ĩ)ơơ	u w	y ư/ i i [:] ₄	– –
nguyết	ng ơơơ	u w	í/ ý i [:] ₅	t t
xoáy	x s	o w	á a ⁵	γ i:
xiêu	x s	– –	i ê i ¹	u w
bộộc	b b	– –	u ô u ⁵	c k

thượng	th t	– –	ư ^ư _i	ng
nhánh	nh	– –	á / / ⁵	nh / /
quốc	q k	u w	ố o (??)	c k
cuối	c k	– –	u ^ố u ⁵	c k
quắc	q k	u w	ố ⁵	c k

Bị chú:

1. Danh sách các thành tố của tiếng:

a. Thủy âm: b (), (), , t, s (,), z (), (), , k, , , , h, ỉ

tất cả đều là những phụ âm bật ra (explosives). Riêng [ỉ] thường (nhưng không bắt buộc) xuất hiện trước những vần có chính âm đứng đầu (không có thủy âm)

b. Âm đệm: hoặc w, hoặc – (khai khẩu)

c. Chính âm: 11 nguyên âm đơn : , ă, , , , : , , o, , u, và 3 nguyên âm đôi i , u ,

d. Chung âm: 6 phụ âm tắc -p, -t, -k, -m, -n, - , đều là những phụ âm bập vào (implosives) và 2 nguyên âm phi âm tiết tính [i] và [u] (cũng là những âm khép vào).

2. Trong mỗi ô, dòng thứ nhất là cách viết trong chính tả (dùng chữ “Quốc ngữ”); dòng thứ hai là cách phiên âm bằng ký hiệu của IPA, phần lớn là phiên âm “ngữ âm học”, trừ khi chữ Quốc ngữ khác một cách đáng kể với thực chất âm vị học của các âm tố (các âm vị được phiên âm giữa hai gạch chéo, chẳng hạn / k /, / / . Những con số nhỏ in ở góc cao sau ký hiệu phiên âm là ký hiệu chỉ thanh (1= a; 2=à; 3=ã; 4=â; 5-á; 6-ạ)

3. Ba dòng cuối cùng trên bảng dành cho một trường hợp đặc biệt, được Murray B. Emeneau (1951) coi là một lỗi chính tả hiển nhiên, trường hợp của chữ **quốc** (lẽ ra chỉ có thể viết: 1. *cuối* (miền Bắc) 2.: *quắc* (miền Trung); 3.: *guốc* (Nam bộ)

4. Cách chia ô trên bảng, nhất là trong trường hợp dành cho *âm đệm* một ô riêng, có phần võ đoán và ước định, vì thật ra âm này hoàn toàn có thể miêu tả như sự môi hoá (labialization) của thủy âm, nếu ta chỉnh lại sự nhầm lẫn của Lê Văn Lý (1947) là người quên đưa âm tắc thanh hầu [ỉ] vào danh sách các thủy âm. Trên bảng có ghi đủ ba *nguyên âm đôi* / i / / u / / / của tiếng Việt, trong đó mỗi nguyên âm đôi có mấy cách viết trong “chữ Quốc ngữ”: / i / viết là *iê, ia* hay *yê, ya*, chẳng hạn *tiên, tia, yếu, khuya*, / u / viết là *uô* hay là *uơ*; / / viết *ươ* hay là *uơ*, tuy cách phát âm của mấy tổ hợp có nhiều cách viết không hề khác nhau một cách đáng kể.

5. Nguyên tắc đánh dấu thanh được chính tả chấp nhận là chỉ **đánh vào chính âm**, nhưng nếu chính âm là nguyên âm đôi thì đánh vào yếu tố sau (trừ khi yếu tố này đặt ở

cuối từ (như trong *kìa, tía, tĩa* – nhưng *giã* thì dấu thanh phải đánh vào *a*). Tuy vậy cũng có nhiều người còn căn cứ vào tiêu chuẩn “thẩm mỹ” để đánh dấu thanh vào giữa “từ” (đơn tiết), chẳng hạn như vào phía trên hay phía dưới chữ *u* của từ *tuy*: *tuy*, *tủy*, *túy*, *tũy*, mặc dầu chính âm của từ này là *y* chứ không phải là *u*. Lẽ ra nếu nhất quán với nguyên tắc nói trên thì phải viết *tuy*, *tủy*, *túy*, v.v. Xin nhớ rằng trong những từ có vần *-ay* hay *-ây*, đánh dấu thanh trên hay dưới chữ *a* hay chữ *â* là đúng, vì *a* hay *â* ở đây đều là chính âm, còn trong *tuy*, *tủy*, *túy*, *tũy* âm *u* chỉ là âm đệm [w], còn nguyên âm /y/ mới là chính âm (xem ô thứ 9 trên bảng, kể từ đầu bảng trở xuống). Vậy trong một cách đánh dấu thanh nhất quán, các dấu thanh đều phải đánh vào chính âm, cho dù nó có được viết như thế nào (dùng chữ gì – chẳng hạn *i* hay *y*) và có những phẩm chất ngữ âm học (mạnh hay nhẹ, dài hay ngắn, cao hay thấp) ra sao.

6. Chức năng và cường vị của *i* trong chữ *tai* hay chữ *đời*, của *y* trong chữ *tay* hay chữ *tây* chẳng hạn khác hẳn chức năng của hai nguyên âm này trong chữ *đi*, chữ *tuy* hay chữ *qui*. Trong hai chữ vừa nói trên, đó là một chính âm – trung tâm của âm tiết (nơi cần đặt dấu thanh), còn trong *tai*, *đời* (cũng như *u*, *o* trong chữ *kêu* hay chữ *cao*, đều không thể gọi là chính âm được nữa vì nó có chức năng *kết thúc âm tiết*: sau nó không còn có thể viết thêm một chữ cái nào nữa. Trên bình diện chức năng cấu tạo âm tiết, nó hoàn toàn giống như các phụ âm: *-n, -t, -m, -p, -ng, -nh*. Các nhà âm vị học trong nước gọi đó là những *chung âm* hay *kết âm* là căn cứ vào cái chức năng ấy.

© 2006 talawas